

TIẾT 4:**ĐỊA LÝ
DÂY HOÀNG LIÊN SƠN
ĐÃ SOẠN VÀO THỨ 2****TIẾT 5:****TẬP LÀM VĂN
KỂ LẠI HÀNH ĐỘNG CỦA NHÂN VẬT****I. MỤC TIÊU:**

- Hiểu: Hành động của nhân vật thể hiện tính cách nhân vật; nắm được cách kể hành động của nhân vật (nội dung ghi nhớ)
- Biết dựa vào tính cách để xác định hành động của từng nhân vật (Chim Sẻ, Chim Chích), bước đầu biết sắp xếp các hành động theo thứ tự trước – sau .

II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:

Giấy khổ to viết sẵn:

+ Các câu hỏi của phần nhận xét (có khoảng trống để HS trả lời)

+ Chín câu văn ở phần luyện tập để HS điền tên nhân vật vào chỗ trống & sắp xếp lại cho đúng thứ tự

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1) Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: Thế nào là kể chuyện? Đọc ghi nhớ bài Nhân vật trong truyện. - Giáo viên nhận xét, cho điểm <p>2) Dạy bài mới:</p> <p>2.1/ Giới thiệu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các em đã được học 2 bài TLV Kể chuyện: Thế nào là kể chuyện? Nhân vật trong truyện. Trong tiết TLV hôm nay, các em sẽ học bài Kể lại hành động của nhân vật để hiểu: Khi kể về hành động của nhân vật, ta cần chú ý những gì? <p>2.2/ Hình thành khái niệm</p> <p>Hướng dẫn phần nhận xét:</p> <p><u>Yêu cầu 1:</u> Đọc truyện Bài văn bị điếm không</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV lưu ý HS: đọc phân biệt rõ lời thoại của các nhân vật, đọc diễn cảm chi tiết gây bất ngờ, xúc động: Thừa cô, con không có ba – với giọng buồn. + Giáo viên đọc diễn cảm bài văn + Giáo viên giúp học sinh tìm hiểu yêu cầu của BT2, BT3 + Chia nhóm HS; phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy khổ to đã ghi sẵn các câu hỏi. Lưu ý học sinh: chỉ viết câu trả lời vắn tắt. + GV cử tổ trọng tài gồm 3 HS khá, giỏi để tính điểm thi đua theo tiêu chuẩn sau: Lời giải: đúng / sai 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhắc lại ghi nhớ đã học ở tiết 1, 2 - Nhận xét, bổ sung - Cả lớp theo dõi - 2 HS giỏi tiếp nối nhau đọc 2 lần toàn bài + Học sinh hình thành nhóm và hoạt động theo nhóm + Tổ trọng tài sẽ tính điểm bài làm của mỗi nhóm theo 3 tiêu chí GV nêu

<p>Thời gian làm bài: nhanh / chậm Cách trình bày của đại diện các nhóm: rõ ràng, rành mạch / lúng túng</p> <p>Yêu cầu 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ý 1: Yêu cầu HS ghi lại vắn tắt những hành động của cậu bé + Ý 2: Nêu ý nghĩa về hành động của cậu bé - Mời đại diện nhóm trình bày kết quả, diễn giải cụ thể - Nhận xét, bổ sung, chốt ý - GV bình luận thêm: Chi tiết cậu bé khóc khi nghe bạn hỏi sao không tả ba của người khác được thêm vào cuối truyện đã gây xúc động trong lòng người đọc bởi tình yêu cha, lòng trung thực, tâm trạng buồn tủi vì mất cha của cậu bé. <p>Yêu cầu 3: Thứ tự kể các hành động: a – b – c (hành động xảy ra trước thì kể trước, hành động sau thì kể sau).</p> <p>Ghi nhớ kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc thầm phần Ghi nhớ <p>2.3/ Hướng dẫn luyện tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời HS đọc yêu cầu của bài tập - GV giúp HS hiểu đúng yêu cầu của bài: + Điền đúng tên Chim Sẻ và Chim Chích vào chỗ trống. + Sắp xếp lại các hành động đã cho thành câu chuyện. + Kể lại câu chuyện đó theo dàn ý đã được sắp xếp lại hợp lí - Yêu cầu học sinh làm bài vào vở, phát phiếu cho 3 HS làm - Mời học sinh nêu kết quả trước - Nhận xét, bổ sung, chốt ý <p>3)Củng cố - dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu học sinh nêu lại nội dung của ghi nhớ - Mời vài học sinh kể lại hành động của nhân vật trong câu chuyện mà em đã học. - Y.cầu HS học thuộc phần ghi nhớ trong bài - Chuẩn bị bài: <i>Tả ngoại hình của nhân vật trong bài văn kể chuyện.</i> - GV nhận xét, thái độ học tập của HS 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh ghi lại vắn tắt những hành động của bé - HS nêu ý nghĩa của hành động đó - Đại diện nhóm trình bày bài, diễn giải cụ thể - Nhận xét, bổ sung, chốt ý - Cả lớp theo dõi <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu: thứ tự các hành động: a – b – c (hành động xảy ra trước thì kể trước, hành động xảy ra sau thì kể sau) - Vài HS lần lượt đọc to phần Ghi nhớ trong SGK, cả lớp đọc thầm <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc yêu cầu của bài tập - Cả lớp theo dõi <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh làm việc cá nhân vào vở - Một số HS làm trên phiếu trình bày kết quả làm bài. - Cả lớp nhận xét. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nêu trước lớp <ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp theo dõi
--	--

SO SÁNH CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

I. MỤC TIÊU:

- So sánh được các số có nhiều chữ số
 - Biết sắp xếp 4 số tự nhiên không quá 6 chữ số theo thứ tự từ bé đến lớn
- Bài tập cần làm: 1, 2, 3

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1) KTBC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 3HS lên sửa BT tập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS. - GV: Sửa bài, xét & cho điểm HS. <p>2) <u>Day-hoc bài mới:</u></p> <p>*Ghiệu: Giờ toán hôm nay các em biết cách so sánh các số có nhiều chữ số với nhau.</p> <p>*Hdẫn so sánh các số có nhiều chữ số:</p> <p>a. <u>So sánh các số có số chữ số khác nhau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Viết các số 99 578 & 100 000. Y/c HS so sánh - Vì sao? - Vậy, khi so sánh các số có nhiều chữ số với nhau, ta thấy số nào có nhiều chữ số hơn thì > & ngược lại <p>b. <u>So sánh các số có số chữ số bằng nhau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Viết 693 251 & 693 500, y/c HS đọc & so sánh - Y/c: Nêu cách so sánh. - Hdẫn cách so sánh như SGK: + Hãy so sánh số chữ số của 693 251 với số 693 500 + Hãy so sánh các chữ số ở cùng hàng của 2 số với nhau theo thứ tự từ trái sang phải. + 2 số hàng trăm nghìn ntn? + Ta so sánh tiếp đến hàng nào? + Hàng chục nghìn bằng nhau, vậy ta phải so sánh đến hàng gì? + Khi đó ta so sánh tiếp đến hàng nào? <p>- Vậy ta cần rút ra điều gì về kquả so sánh 2 số này?</p> <p>- Ai cần nêu kquả so sánh này theo cách khác?</p> <p>- Vậy khi so sánh các số có nhiều chữ số với nhau, ta làm ntn?</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, xét bài làm của bạn. - HS: Nhắc lại đề bài. - HS: $99\ 578 < 100\ 000$ - 99 578 có 5 chữ số, 100 000 có 6 chữ số - HS: Nhắc lại k/luận. - HS: Đọc 2 số & nêu kquả so sánh. - Cùng là các số có 6 chữ số. - HS: Th/h so sánh. - Cùng có hàng trăm nghìn là 6. - Hàng chục nghìn: đều bằng 9. - Hàng nghìn: đều bằng 3. - Hàng trăm, được: $2 < 5$. - $693\ 251 < 693\ 500$ - $693\ 500 > 693\ 251$ - HS: Cần: + So sánh số các chữ số của 2 số với nhau, số nào có nhiều chữ số hơn thì số đó lớn hơn & ngược lại. + 2 số có cùng số chữ số thì ta so sánh các cặp chữ số ở cùng hàng với nhau, lần lượt từ trái sang phải. Nếu chữ số nào lớn hơn thì số tương ứng sẽ lớn hơn,

<p>*Luyện tập-thực hành:</p> <p>Bài 1: - Y/c HS đọc đề. - Y/c HS tự làm. - Y/c HS: Nxét bài làm trên bảng. - Y/c HS: G/thích cách điền dấu.</p> <p>Bài 2: - Y/c HS đọc đề. - Muốn tìm được số lớn nhất trg các số đã cho ta phải làm gì? - Y/c HS tự làm bài. - Hỏi: Số nào là số lớn nhất trg các số này? Vì sao? - GV: Nxét & cho điểm HS.</p> <p>Bài 3: - BT y/c cta làm gì? - Để sắp xếp được các số theo thứ tự từ bé đến lớn ta phải làm gì? - Y/c HS tự so sánh & sắp xếp các số. - Vì sao sắp xếp được như vậy?</p> <p>Bài 4: - Y/c HS mở SGK & đọc đề. - Y/c HS suy nghĩ & làm vào vở BT. - Số có 3 chữ số lớn nhất là số nào? Vì sao? - Số có 3 chữ số bé nhất là số nào? Vì sao? - Số có 6 chữ số lớn nhất là số nào? Vì sao? - Số có 6 chữ số bé nhất là số nào? Vì sao? - Tìm số lớn nhất, bé nhất có 4. 5 chữ số?</p> <p>4) <u>Củng cố-dặn dò:</u> - GV: T/kết giờ học, dặn : Δ Làm BT & CBB sau.</p>	<p>nếu chúng bằng nhau ta so sánh đến cặp chữ số ở hàng tiếp theo.</p> <p>- HS: Đọc y/c của BT. - 2HS lên bảng làm, mỗi HS 1 cột, cả lớp làm VBT. - HS: Nxét. - HS: Nêu y/c của BT. - Phải so sánh các số với nhau. - HS: Chép các số vào VBT & khoanh tròn số lớn nhất. - Gthích vì sao số 902 211 là số lớn nhất.</p> <p>- HS: Đọc y/c của BT.</p> <p>- Phải so sánh các số với nhau. - 1HS lên ghi, cả lớp làm VBT. - HS: Gthích cách so sánh & sắp xếp. - HS: Đọc y/c của BT. - Cả lớp làm BT. - Là số 999, vì cả các số có 3 chữ số khác đều nhỏ hơn 999. - Là 100, vì... - Là 999 999, vì... - Là 100 000, vì... - HS: TLCH.</p>
--	---

TIẾT 2:

**LỊCH SỬ
ĐÃ SOẠN VÀO NGÀY THỨ 2**

TIẾT 3:

**KHOA HỌC
CÁC CHẤT DINH DƯỠNG CÓ TRONG THỨC ĂN. VAI TRÒ CỦA CHẤT BỘT ĐƯỜNG**

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

- Kể tên các chất dinh dưỡng có trong thức ăn: chất bột đường, chất đạm, chất béo, vi-ta-min, chất khoáng.
- Kể tên những thức ăn chứa nhiều chất bột đường: gạo, bánh mì, khoai, ngô, sắn,...
- Nêu được vai trò của chất bột đường đối với cơ thể: cung cấp năng lượng cần thiết cho mọi hoạt động và duy trì nhiệt độ cơ thể.

* *GDMT: Mức độ - Liên hệ/ bộ phận- HĐ2: GV giúp HS hiểu con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường.*

II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:

Hình trong sách giáo khoa - Phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP

(Hoàn thành bảng thức ăn chứa chất bột đường:)

Thứ tự	Tên thức ăn chứa nhiều chất bột đường	Từ loại cây nào?

1	Gạo	
2	Ngô	
3	Bánh quy	
4	Bánh mì	
5	Mì sợi	
6	Chuối	
7	Bún	
8	Khoai lang	
9	Khoai tây	

Những thức ăn chứa nhiều chất bột đường có nguồn gốc từ đâu?

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1) Kiểm tra bài cũ: Trao đổi chất ở người (tiết theo)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hằng ngày, cơ thể người phải lấy những gì từ môi trường và thải ra môi trường những gì? - Nhờ cơ quan nào mà quá trình trao đổi chất ở bên trong cơ thể được thực hiện? - Điều gì sẽ xảy ra nếu một trong các cơ quan tham gia vào quá trình trao đổi chất ngừng hoạt động? - Giáo viên nhận xét, tuyên dương <p>2) Dạy bài mới: <i>Giới thiệu bài:</i> Các chất dinh dưỡng có trong thức ăn. Vai trò của chất bột đường <i>Hoạt động 1:</i> Tập phân loại thức ăn Bước 1: Giáo viên yêu cầu nhóm 2 học sinh mở sách giáo khoa & cùng nhau trả lời 3 câu hỏi trong SGK trang 10</p> <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời từng nhóm trình bày kết quả - Nhận xét, bổ sung, chốt lại <p>Kết luận của GV: <i>Người ta có thể phân loại thức ăn theo các cách sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Phân loại theo nguồn gốc, đó là thức ăn thực vật hay thức ăn động vật.</i> + <i>Phân loại theo lượng các chất dinh dưỡng được chứa nhiều hay ít trong thức ăn đó. Theo cách này có thể chia thức ăn thành 4</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời trước lớp - Học sinh khác nhận xét - Cả lớp theo dõi - Các em sẽ nói với nhau về tên thức ăn, đồ uống mà các em dùng hàng ngày. Tiếp theo HS quan sát các hình trang 10 & cùng với bạn mình phân loại nguồn gốc của các loại thức ăn Sau đó HS dựa vào mục Bạn cần biết để trả lời câu hỏi 3 - Đại diện một số cặp trình bày kết quả mà các em đã cùng nhau làm việc. - Nhận xét, bổ sung - Cả lớp theo dõi

nhóm:

- + Nhóm thức ăn chứa nhiều chất bột đường.
- + Nhóm thức ăn chứa nhiều chất đạm
- + Nhóm thức ăn chứa nhiều chất béo
- + Nhóm thức ăn chứa nhiều chất khoáng & vi-ta-min (Ngoài ra trong nhiều loại thức ăn còn chứa nhiều chất xơ & nước)

Hoạt động 2:

Tìm hiểu vai trò của chất bột đường

Bước 1: Làm việc với SGK theo cặp

Bước 2: Làm việc cả lớp

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

- + Nói tên thức ăn giàu chất bột đường có trong các hình ở trang 11 SGK
- + Kể tên các thức ăn chứa nhiều chất bột đường mà các em ăn hằng ngày.
- + Kể tên những thức ăn chứa chất bột đường mà em thích ăn
- + Nêu vai trò của nhóm thức ăn chứa nhiều chất bột đường.

- Sau mỗi câu hỏi, GV nêu nhận xét & bổ sung nếu câu trả lời của HS chưa hoàn chỉnh.

Kết luận của GV:

Chất bột đường là nguồn cung cấp năng lượng chủ yếu cho cơ thể. Chất bột đường có nhiều ở gạo, ngô, bột mì, một số loại củ như khoai, sắn, củ đậu. Đường ăn cũng thuộc loại này.

** GDMT: GV giúp HS hiểu con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường.*

Hoạt động 3: Xác định nguồn gốc của các thức ăn chứa nhiều chất bột đường

Bước 1:

Giáo viên phát phiếu học tập cho học sinh làm việc trên phiếu

Bước 2:

- Mời học sinh trình bày kết quả làm việc
- Nhận xét, chữa bài tập cho cả lớp

3) Củng cố - dặn dò:

- Yêu cầu học sinh đọc phần ghi nhớ trong sách giáo khoa.

Chuẩn bị bài: *Vai trò của chất đạm và chất*

- HS làm việc theo cặp: HS nói với nhau tên các thức ăn có chứa nhiều chất bột đường có trong hình ở trang 11 SGK & cùng nhau tìm hiểu về vai trò của chất bột đường ở mục Bạn cần biết

- Học sinh trả lời

- Nhận xét, bổ sung, chốt ý

- HS làm việc với phiếu học tập

- Một số HS trình bày kết quả làm việc với phiếu học tập trước lớp.

- Học sinh khác bổ sung hoặc chữa bài nếu bạn làm sai

- Học sinh thực hiện

- Cả lớp theo dõi

béo.

- Giáo viên nhận xét tinh thần, thái độ học tập của học sinh.

TIẾT 4 :

ÂM NHẠC

Giáo viên bộ môn giảng dạy

TIẾT 5:

LUYỆN TỪ VÀ CÂU DẤU HAI CHẤM

I. MỤC TIÊU:

- Hiểu được tác dụng của dấu 2 chấm trong câu (nội dung phần ghi nhớ).
- Nhận biết tác dụng của dấu hai chấm (BT1); bước đầu biết dùng dấu 2 chấm khi viết văn (BT2)

II. ĐÔ DÙNG DẠY – HỌC:

Bảng viết nội dung cần ghi nhớ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1) Kiểm tra bài cũ: Mở rộng vốn từ: Nhân hậu – Đoàn kết</p> <ul style="list-style-type: none">- Giáo viên yêu cầu học sinh tìm các từ đồng nghĩa với nhân hậu – đoàn kết- Nhận xét và chấm điểm <p>2) Dạy bài mới:</p> <p>2.1/ Giới thiệu bài: Dấu hai chấm.</p> <p>2.2/ Hình thành khái niệm</p> <p>a) <i>Hướng dẫn phần nhận xét</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Giáo viên y cầu HS đọc nội dung bài tập 1- Yêu cầu học sinh lần lượt từng câu văn, thơ, nhận xét về tác dụng và cách dùng trong các câu đó.- Mời học sinh trình bày kết quả- Nhận xét, bổ sung, chốt lại ý đúng: <p><u>Câu a:</u> Dấu hai chấm báo hiệu phần sau là lời nói của Bác Hồ. Ở trường hợp này, dấu hai chấm dùng phối hợp với dấu ngoặc kép.</p> <p><u>Câu b:</u> Dấu hai chấm báo hiệu câu sau là lời nói của Dế Mèn. Ở trường hợp này, dấu hai chấm dùng phối hợp với dấu gạch đầu dòng.</p> <p>b) <i>Ghi nhớ kiến thức:</i></p> <p>Yêu cầu HS đọc thầm phần Ghi nhớ</p> <p>2.3/ Hướng dẫn luyện tập</p> <p><u>Bài tập 1:</u></p> <ul style="list-style-type: none">- GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập- Yêu cầu học sinh làm bài vào vở- Mời học sinh trình bày bài làm- GV nhận xét, chốt lại lời giải: <p><u>Câu a:</u> Dấu hai chấm thứ nhất (kết hợp với dấu</p>	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh thực hiện- Cả lớp theo dõi- HS đọc yêu cầu, nội dung phần nhận xét (mỗi em đọc 1 ý)- Học sinh đọc lần lượt từng câu văn, thơ, nhận xét về tác dụng & cách dùng trong các câu đó- Học sinh trình bày kết quả- Nhận xét, chốt lại ý đúng: <p><u>Câu b:</u> Dấu hai chấm báo hiệu bộ phận đi sau là lời giải thích rõ những điều lạ mà bà già nhận thấy khi về nhà</p> <ul style="list-style-type: none">- HS đọc thầm phần ghi nhớ : 3 – 4 HS lần lượt đọc to phần ghi nhớ trong SGK- HS đọc yêu cầu của bài tập- Cả lớp làm bài vào vở. HS đọc thầm từng đoạn văn, trao đổi về tác dụng của dấu hai chấm trong các câu văn- Học sinh trình bày bài làm- Nhận xét, bổ sung lời giải đúng <p><u>Câu b:</u> Dấu hai chấm có tác dụng giải thích cho bộ phận đứng trước. Phần đi</p>

<p>gạch đầu dòng) có tác dụng báo hiệu bộ phận câu đứng sau nó là lời nói của nhân vật “tôi”. Dấu hai chấm thứ 2 (phối hợp với dấu ngoặc kép) báo hiệu phần sau là câu hỏi của cô giáo.</p> <p><u>Bài tập 2:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập, nhắc HS: + Đề báo hiệu lời nói của nhân vật, có thể dùng dấu hai chấm phối hợp với dấu ngoặc kép, hoặc dấu gạch đầu dòng (nếu là những lời đối thoại) + Trường hợp cần giải thích thì chỉ dùng dấu hai chấm - Yêu cầu học sinh làm bài vào vở - Mời học sinh đọc đoạn văn trước lớp - Nhận xét, bổ sung, chốt ý <p><u>3/ Cũng cố - dặn dò:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bác Hồ là tấm gương cao đẹp trọn đời phấn đấu, hi sinh vì tương lai của đất nước nói chung và đời sống của mỗi người nói riêng Dấu hai chấm có tác dụng gì? - Chuẩn bị bài: Từ đơn và từ phức - GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập của HS. Yêu cầu HS về nhà, tìm trong các bài đọc 3 trường hợp dùng dấu hai chấm, giải thích tác dụng của các cách dùng đó; mang từ điển đến lớp (nếu có) để sử dụng trong tiết LTVC sau 	<p>sau làm rõ những cảnh tuyệt đẹp của đất nước là những cảnh gì</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của BT. Cả lớp đọc thầm - Cả lớp theo dõi - HS thực hành viết đoạn văn vào vở. - Một số HS đọc đoạn văn trước lớp, giải thích tác dụng của dấu hai chấm trong mỗi trường hợp - Cả lớp nhận xét - Học sinh nêu trước lớp - Cả lớp theo dõi
--	---

TIẾT 4 :

ÂM NHẠC

Giáo viên bộ môn giảng dạy

TIẾT 2:**TOÁN****TRIỆU VÀ LỚP TRIỆU****I. MỤC TIÊU:**

- Nhận biết hàng triệu, hàng chục triệu, hàng trăm triệu và lớp triệu
- Biết viết cc số đến lớp triệu
- * Bài tập cần làm 1, 2, 3 (cột 2)

II. ĐỒ DÙNG DẠY-HOC: Bảng các lớp, hàng kẻ sẵn trên Bp:

Đọc số	Viết số	LỚP TRIỆU			LỚP NGHÌN			LỚP ĐƠN VỊ		
		Hàng trăm triệu	Hàng chục triệu	Hàng triệu	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị

I. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HOC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1) KTBC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gọi 3HS lên sửa BT lập thêm ở tiết trc, đồng thời ktra VBT của HS. - GV: Sửa bài, xét & cho điểm HS. <p>2) <u>Day-hoc bài mới:</u></p> <p>*Ghiệu: Hôm nay các em sẽ được làm quen với các hàng, lớp lớn hơn các hàng, lớp đã học.</p> <p>*Ghiệu hàng triệu, chục triệu, trăm triệu, lớp triệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi: Hãy kể các hàng đã học theo thứ tự từ nhỏ đến lớn. - Hãy kể tên các lớp đã học. - Y/c: Cả lớp viết số theo lời đọc: 1 trăm, 1 nghìn, 10 nghìn, 1 trăm nghìn. 10 trăm nghìn. - Ghiệu: 10 trăm nghìn còn được gọi là 1 triệu. - Hỏi: 1 triệu bằng mấy trăm nghìn? - Số 1 triệu có mấy chữ số, đó là ~ chữ số nào? - Ai có thể viết được số 10 triệu? - Số 10 triệu có mấy chữ số, đó là ~ chữ số nào? - Ghiệu: 10 triệu còn được gọi là 1 chục triệu. - Ai có thể viết được số 10 chục triệu? - Ghiệu: 10 chục triệu còn được gọi là 100 triệu. - 1 trăm triệu có mấy chữ số, đó là ~ chữ số nào? - Ghiệu: Các hàng triệu, chục triệu, trăm triệu tạo thành lớp triệu. - Lớp triệu gồm mấy hàng, đó là ~ hàng nào? - Kể tên các hàng, lớp đã học? <p>*Các số tròn triệu từ 1 000 000 đến 10 000</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 3HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi, xét bài làm của bạn. - HS: Nhắc lại đề bài. - Hàng đvị, chục, trăm, nghìn, chục nghìn, trăm nghìn. - Lớp đvị, lớp nghìn. - 1HS lên viết, cả lớp viết vào nháp: <i>100, 1000, 10 000, 100 000, 1 000 000</i> - 1 triệu bằng 10 trăm nghìn. - Có 7 chữ số: 1 chữ số 1 & 6 chữ số 0 đứng bên phải số 1. - 1HS lên viết. - Có 8 chữ số: 1 chữ số 1 & 7 chữ số 0 đứng bên phải số 1 - 1 HS lên viết: <i>100 000 000.</i> - Lớp đọc số <i>một trăm triệu.</i> - Có 9 chữ số: 1 chữ số 1 & 8 chữ số 0 đứng bên phải số 1

<p>000 (BT1):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỏi: 1 triệu thêm 1 triệu là mấy triệu? - 2 triệu thêm 1 triệu là mấy triệu? - Y/c HS: Đếm thêm 1 triệu từ 1 triệu đến 10 triệu. - Ai có thể viết các số trên? - GV: Chỉ các số trên khg theo thứ tự cho HS đọc. <p>* Các số tròn chục triệu từ 10 000 000 đến 100 000 000 (BT2):</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 chục triệu, thêm 1 chục triệu là bn chục triệu? - 1 chục triệu, thêm 1 chục triệu, thêm 1 chục triệu là bn chục triệu? - Hãy đếm thêm 1 chục triệu từ 1 chục triệu đến 10 chục triệu. - 1 chục triệu còn gọi là gì? - 2 chục triệu còn gọi là gì? - Hãy đọc các số từ 1 chục triệu đến 10 chục triệu theo cách khác. - Ai có thể viết các số từ 10 triệu đến 100 triệu. - GV: Chỉ bảng cho HS đọc lại các số trên. <p>*Luyện tập-thực hành:</p> <p>Bài 3: - Y/c HS tự đọc & viết các số BT y/c.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Y/c 2HS lên lần lượt chỉ vào từng số mình đã viết, đọc số & nêu số chữ số 0 có trg số đó. - GV: Nxét & cho điểm HS. <p>Bài 4: - BT y/c cta làm gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ai có thể viết được số <i>ba trăm mười hai triệu</i>? - Nêu các chữ số ở các hàng của số <i>312 000 000</i>? - GV: Y/c HS tự làm tiếp phần còn lại của BT. <p>3) <u>Củng cố-dẫn dõ:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: T/kết giờ học, dặn : Làm BT & CBB sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - Gồm 3 hàng: hàng triệu, hàng chục triệu, hàng trăm triệu. - Là 2 triệu. - Là 3 triệu. - HS: Đếm theo y/c. - 1HS lên viết, cả lớp viết vào nháp. - Đọc theo y/c của GV. - Là 2 chục triệu. - Là 3 chục triệu. - HS: đếm theo y/c. - Là 10 triệu. - Là 10 triệu. - HS: Đọc: <i>mười triệu, 20 triệu...</i> - 1HS: Lên viết, cả lớp viết vào nháp. - 2HS lên viết, 1 em 1 cột, lớp làm VBT. - HS th/h theo y/c. - HS: theo dõi, xét. - HS: Đọc thầm để tìm hiểu đề. - 1HS lên viết, cả lớp viết vào nháp: <i>312 000 000</i>. - HS nêu - HS: Điền bảng & đôi ktra chéo.
---	---

TIẾT 3:

TẬP LÀM VĂN

TẢ NGOẠI HÌNH CỦA NHÂN VẬT TRONG BÀI VĂN KỂ CHUYỆN

I. MỤC TIÊU:

- HS hiểu: Trong bài văn kể chuyện, việc tả ngoại hình của nhân vật là cần thiết để thể hiện tính cách của nhân vật. (nội dung ghi nhớ).

- Biết dựa vào đặc điểm ngoại hình để xác định tính cách nhân vật (BT1, mục III); kể lại được một đoạn câu chuyện Nàng tein Ốc. có kết hợp tả ngoại hình bà lão hoặc nàng tiên (BT2).

* Học sinh khá, giỏi kể được toàn bộ câu chuyện, kết hợp tả ngoại hình của 2 nhân vật (BT2)

**KNS: Tìm kiếm và xử lí thông tin. Tư duy sáng tạo.*

II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:

Bảng ghi các ý về đặc điểm ngoại hình Nhà Trò – bài 1 (phần nhận xét)

Phiếu đoạn văn của Vũ Cao (phần luyện tập) - Sách giáo khoa

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1) Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Kể lại hành động của nhân vật- Yêu cầu HS nhắc lại ghi nhớ trong bài?- Trong các bài học trước, em đã biết tính cách của nhân vật thường được biểu hiện qua những phương diện nào? <p>Giáo viên nhận xét, chấm điểm</p> <p>2) Dạy bài mới:</p> <p>2.1/ Giới thiệu bài: Ở con người, hình dáng bên ngoài thường thống nhất với tính cách, phẩm chất bên trong. Vì vậy, trong bài văn kể chuyện, việc miêu tả hình dáng bên ngoài của nhân vật có tác dụng góp phần bộc lộ tính cách nhân vật. Bài học hôm nay sẽ giúp các em tìm hiểu và làm quen với việc tả ngoại hình của nhân vật trong bài văn kể chuyện.</p> <p>2.2/ Hướng dẫn hs học phần nhận xét:</p> <ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu học sinh đọc đề bài- GV yêu cầu từng HS ghi vắn tắt ra nháp lời giải của bài 1, suy nghĩ để trao đổi với các bạn về bài 2- Mời học sinh trình bày bài làm- Nhận xét, bổ sung, chốt ý <p>Câu 2: Ngoại hình của nhân vật Nhà Trò thể hiện tính cách yếu đuối, thân phận tội nghiệp, đáng thương, dễ bị ăn hiếp, bắt nạt của chị.</p>	<ul style="list-style-type: none">- Vài học sinh nhắc lại ghi nhớ- Học sinh trả lời- Nhận xét, bổ sung- Cả lớp theo dõi- 1 HS đọc đoạn văn, 1 HS đọc các yêu cầu 1 & 2. Cả lớp đọc thầm yêu cầu của bài.- Học sinh ghi vắn tắt ra nháp lời giải của bài 1, suy nghĩ để trao đổi với các bạn về bài 2- Học sinh trình bày trước lớp- Nhận xét, bổ sung, chốt lại ý chính <p>Câu 1: Chị Nhà Trò có những đặc điểm ngoại hình như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Súc vóc: gầy yếu như mới lột.+ Thân mình: bé nhỏ+ Cánh: mỏng như cánh bướm non,

* Hướng dẫn học sinh học phần Ghi nhớ

2.3/ Hướng dẫn luyện tập:

Bài tập 1:

- Yêu cầu HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của đề bài.

- Yêu cầu HS nêu những từ ngữ miêu tả ngoại hình chú bé liên lạc trong đoạn văn đã chép trên bảng phụ: gầy, tóc húi ngắn, hai túi áo trễ xuống tận đùi, quần ngắn tới gần đầu gối, đôi bắp chân nhỏ luôn luôn động đậy, đôi mắt sáng và xéch.

- Những chi tiết miêu tả đó nói lên điều gì về chú bé?

- Mời học sinh trình bày trước lớp

- Giáo viên nhận xét, chốt lại.

Bài tập 2:

- Yêu cầu HS đọc đề bài

- GV yêu cầu HS đọc lại truyện thơ Nàng tiên Ốc

- Cho học sinh kể lại câu chuyện theo nhóm đôi và trao đổi về ngoại hình của nhân vật.

- Mời học sinh kể và nêu tính cách trước lớp

- Nhận xét, bổ sung, chốt lại: Khi kể lại truyện Nàng tiên Ốc bằng văn xuôi, nên chọn tả ngoại hình của nhân vật nàng tiên & bà lão. Vì nàng tiên Ốc là nhân vật chính. Tả hình dáng của nàng góp phần quan trọng thể hiện tính cách dịu dàng, nét na, lòng biết ơn của nàng với bà lão nhân hậu, biết thương yêu từ con ốc bé nhỏ thương đi. Cần tả ngoại hình của bà lão để làm nổi bật sự vất vả, tàn tạ nhưng tấm lòng rất phúc hậu, nhân từ của bà.

* **GD:** Tìm kiếm và xử lý thông tin. Tư duy sáng tạo.

ngắn chùn chùn, rất yếu, chưa quen mở.

+ Trang phục: người bụi nhúng phấn, mặc áo thâm dài, đôi chũm chũm vàng.

- Vài HS đọc ghi nhớ trong SGK. Cả lớp đọc thầm lại.

- HS đọc toàn văn yêu cầu của bài tập. Cả lớp đọc thầm yêu cầu của bài, dùng bút chì gạch dưới những từ miêu tả hình dáng nhân vật.

- HS trao đổi, nêu những từ ngữ miêu tả ngoại hình chú bé liên lạc.

- Cách ăn mặc của chú bé cho thấy chú là con của một gia đình nông dân nghèo, quen chịu đựng vất vả. Bắp chân luôn động đậy, đôi mắt sáng và xéch cho biết chú rất nhanh nhẹn, hiểu động, thông minh, thật thà.

- Trình bày bài làm trước lớp

- Nhận xét, chốt ý

- HS đọc yêu cầu của bài tập

- SH đọc lại truyện thơ Nàng tiên Ốc

- Học sinh kể lại câu chuyện theo nhóm đôi và trao đổi về ngoại hình của nhân vật trong câu chuyện.

- Vài học sinh kể trước lớp

- Nhận xét cách kể, bổ sung, chốt lại

- HS trao đổi, nêu kết luận.

- Cần chú ý tả hình dáng, vóc người, khuôn mặt, đầu tóc, quần áo, trang

<p>3) Củng cố - dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Muốn tả ngoại hình của nhân vật, cần chú ý tả những gì? - Tìm kiếm và xử lý thông tin - Tư duy sáng tạo - GV nói thêm: <i>Khi tả nên chú ý tả những đặc điểm ngoại hình tiêu biểu. Tả hết tất cả mọi đặc điểm để làm bài viết dài dòng, nhàm chán, không đặc sắc.</i> - Chuẩn bị bài: Kể lại lời nói, ý nghĩ của nhân vật. - GV nhận xét tiết học. Yêu cầu HS ghi nhớ nội dung đã học. 	<p>phục, cử chỉ...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh chú ý - Cả lớp theo dõi
---	--

TIẾT 4:

ĐỊA LÝ
DẪY HOÀNG LIÊN SƠN
ĐÃ SOẠN VÀO NGÀY THỨ 2

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH TUẦN 3 (2 buổi)

Thứ	Tiết	Môn	Nội dung
2 Chiều (4B3)	1	Khoa học	Vai trò của chất đạm và chất béo
	2	Toán (Ôn)	Ôn : Triệu và lớp triệu (TT)
	3	Luyện từ & Câu (Ôn)	Ôn: Dấu hai chấm
	4		
	5		
3 Sáng (4B2)	1	Toán	Luyện tập
	2	Chính tả	Nghe – viết: Cháu nghe câu chuyện của bà
	3	Khoa học	Vai trò của chất đạm và chất béo
	4	Kể chuyện	Kể chuyện đã nghe, đã đọc
	5	Lịch sử	Nước Văn Lang
4 Sáng (4B1)	1	Thê dục	
	2	Tập đọc	Người ăn xin
	3	Toán	Luyện tập
	4	Tập Làm Văn	Kể lại lời nói, ý nghĩ của nhân vật
	5		
5 Chiều (4B4)	1	Toán	Dãy số tự nhiên
	2	Luyện từ & Câu	Mở rộng vốn từ: Nhân hậu – Đoàn kết
	3	Địa Lý	Một số dân tộc ở Hoàng Liên Sơn
	4	Nhạc	
	5	Tập Làm Văn (Ôn)	Ôn luyện
6 Chiều (4B5)	1	Toán (Ôn)	Ôn : Dãy số tự nhiên
	2	Mỹ thuật	
	3	Lịch sử	Nước Văn Lang
	4		
	5		

TIẾT 1:

**KHOA HỌC
VAI TRÒ CỦA CHẤT ĐẠM VÀ CHẤT BÉO**

I. MỤC TIÊU:

- Kể tên những thức ăn chứa nhiều chất đạm (thịt, cá, trứng, tôm, cua,...), chất béo (mỡ, dầu, bơ,...)
- Nêu được vai trò của chất đạm và chất béo đối với cơ thể:
 - + Chất đạm giúp xây dựng và đổi mới cơ thể.
 - + chất béo giàu năng lượng và giúp cơ thể hấp thụ các vi-ta-min A, D, E, K
- * **GD:** *Mối quan hệ giữa con người với môi trường : Con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường.*

II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:

- Sách giáo khoa - Phiếu học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1) Kiểm tra bài cũ: <i>Các chất dinh dưỡng có trong thức ăn. Vai trò của chất bột đường</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể tên một số loại thức ăn chứa chất bột đường mà em biết? - Nêu vai trò của chất bột đường đối với cơ thể? - Giáo viên nhận xét, chấm điểm <p>2) Dạy bài mới: Vai trò của chất đạm và chất béo.</p> <p><u>Hoạt động 1:</u> Tìm hiểu vai trò của chất đạm và chất béo</p> <p>Bước 1: Làm việc theo cặp . Quan sát hình trang 12, 13 SGK kể tên các thức ăn chứa nhiều chất đạm và chất béo</p> <p>Bước 2: Làm việc cả lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: + Nói tên những thức ăn giàu chất đạm có trong hình 12 SGK + Kể tên các thức ăn có chứa chất đạm mà các em ăn hằng ngày hoặc các em thích ăn. + Tại sao hằng ngày chúng ta cần ăn thức ăn chứa nhiều chất đạm? + Nói tên thức ăn giàu chất béo có trong hình 13 SGK + Kể tên các thức ăn có chứa chất béo mà các em ăn hằng ngày hoặc các em thích ăn. + Nêu vai trò của nhóm thức ăn chứa nhiều chất béo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát tập thể - Học sinh trả lời trước lớp - HS nói với nhau tên các thức ăn chứa nhiều chất đạm & chất béo có trong hình ở trang 12, 13 SGK & cùng nhau tìm hiểu vai trò của chất đạm, chất béo ở mục <i>Bạn cần biết</i> - Học sinh trả lời trước lớp - Nhận xét, bổ sung, chốt lại:

- Sau mỗi câu hỏi, GV nêu nhận xét & bổ sung nếu câu trả lời của HS chưa hoàn chỉnh.
Chất béo rất giàu năng lượng & giúp cơ thể hấp thụ các vi-ta-min: A, D, K, E. Thức ăn giàu chất béo là dầu ăn, mỡ lợn, bơ, một số thịt cá & một số hạt có nhiều dầu như lạc, vừng, đậu nành.

Hoạt động 2: Xác định nguồn gốc của các thức ăn chứa nhiều chất đạm & chất béo

Bước 1: Làm việc với phiếu học tập

- Giáo viên phát phiếu học tập cho từng nhóm học sinh

Bước 2: Chữa bài tập cả lớp

- Các nhóm T. luận xong trình bày trước lớp.

- Nhận xét, bổ sung, chốt lại ý đúng

- Các thức ăn chứa nhiều chất đạm & chất béo đều có nguồn gốc từ đâu? *(Các thức ăn chứa nhiều chất đạm & chất béo đều có nguồn gốc từ động vật & thực vật).*

2. Hoàn thành bảng thức ăn chứa chất béo

Thứ tự	Tên thức ăn	Nguồn gốc TV	Nguồn gốc ĐV
1	Mỡ lợn		x
2	Lạc	x	
3	Dầu ăn	x	
4	Vừng (mè)	x	
5	Dừa	x	

*** GDBVMT**

- GV giảng cho HS hiểu con người cần đến thức ăn, nước uống từ môi trường, vì vậy chúng ta cần bảo vệ môi trường

3) Củng cố - dặn dò:

- Hãy nêu vai trò của chất đạm và chất béo.

- Kể tên các thức ăn, nước uống có chứa chất đạm và chất béo.

- Chuẩn bị bài: *Vai trò của vi- ta-min, chất khoáng và chất xơ.*

- Giáo viên nhận xét tiết học.

Chất đạm tham gia xây dựng & đổi mới cơ thể: làm cho cơ thể lớn lên, thay thế những tế bào già bị huỷ hoại & tiêu mòn trong hoạt động sống. Vì vậy, chất đạm rất cần cho sự phát triển của trẻ em. Chất đạm có nhiều ở thịt, cá, trứng, sữa...

- Học sinh làm việc trên phiếu theo nhóm

- Học sinh trình bày trước lớp

- Nhận xét, bổ sung, chốt ý

PHIẾU HỌC TẬP

1. Hoàn thành bảng thức ăn chứa chất đạm

Thứ tự	Tên thức ăn	Nguồn gốc TV	Nguồn gốc ĐV
1	Đậu nành	x	
2	Thịt lợn		x
3	Trứng		x
4	Thịt vịt		x
5	Cá		x
6	Đậu phụ	x	
7	Tôm		x
8	Thịt bò		x
9	Đậu Hà Lan	x	
10	Cua, ốc		x

- Học sinh nêu trước lớp

- Cả lớp theo dõi

TIẾT 2:

TOÁN (ÔN)

TRIỆU VÀ LỚP TRIỆU (Tiếp theo)

I) MỤC TIÊU:

- Củng cố cho HS cách đọc, viết số có nhiều chữ số, nắm vững các hàng và lớp.

- HS Có ý thức khi học toán, tự giác khi làm bài tập.

II) ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC :

- GV : Giáo án, SGK, kẻ sẵn bảng như SGK trong bảng phụ, nội dung bài tập 1.

III) CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p><u>1. Kiểm tra bài cũ :</u> - Gọi 2 HS đọc số: 342 106 348 và 834 504 760</p> <p>-GV nhận xét, ghi điểm cho HS</p> <p><u>2. Dạy bài mới:</u> a. Giới thiệu bài - Ghi bảng c. Ôn tập : Làm vào vở BT. (TR 13) * Bài 1:YC HS viết số dựa vào giá trị các chữ số ở mỗi hàng và viết mỗi chữ số vào đúng từng hàng trong bảng. - GV nhận xét chung. * Bài 2: Yêu cầu HS lần lượt nêu giá trị mỗi chữ số thuộc hàng nào, lớp nào ? a) số 8 325 714 b) 753 842 601 - GV cùng HS nhận xét và chữa bài.</p> <p>* Bài 3: - GV Yêu cầu HS lần lượt đọc số - GV yêu cầu HS nhận xét và chữa bài</p> <p><u>3. Củng cố - dặn dò:</u> - GV nhận xét giờ học. - Dặn HS về làm bài tập là sai và chuẩn bị bài sau: “Luyện tập”</p>	<p>- 2 HS lên bảng làm bài theo yêu cầu. + 342 106 348: Ba trăm bốn mươi hai triệu một trăm linh sáu nghìn ba trăm bốn mươi tám. + 834 504 760: Tám trăm ba mươi tư triệu năm trăm linh bốn nghìn bảy trăm sáu mươi.</p> <p>- HS ghi đầu bài vào vở</p> <p>- HS viết số vào bảng và đọc số đã viết - HS chữa bài vào vở.</p> <p>- HS nối tiếp đọc số. a) Trong số 8 325 714, Chữ số 8 ở hàng triệu, lớp triệu. Chữ số 7 ở hàng trăm, lớp đơn vị. Chữ số 2 ở hàng chục nghìn, lớp nghìn. Chữ số 4 ở hàng đơn vị, lớp đơn vị. b) Trong số 753 842 601: chữ số 7 ở hàng trăm triệu, lớp triệu. Chữ số 5 ở chục triệu, lớp triệu. Chữ số 3 ở hàng triệu, lớp triệu. Chữ số 8 ở hàngtrăm nghìn, lớp nghìn.</p> <p>a) Số 6 231 874 đọc là: Sáu triệu hai trăm ba mươi một nghìn tám trăm bảy mươi bốn. b) Số “ tám triệu hai trăm mười nghìn một trăm hai mươi một” Viết là 8 210 121. - HS nhận xét, chữa bài. - Lắng nghe - Ghi nhớ</p>

TIẾT 3:

TẬP LÀM VĂN (ÔN)

TẢ NGOẠI HÌNH CỦA NHÂN VẬT TRONG BÀI VĂN KỂ CHUYỆN

I. MỤC TIÊU:

- Rèn luyện kĩ năng tả ngoại hình nhân vật, từ đó toát lên tính cách nhân vật cần thể hiện.
- Viết được đoạn văn miêu tả ngoại hình nhân vật “Người ăn xin”.
- Sử dụng từ ngữ để miêu tả chính xác.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC :

- Giáo án, SGK. Bảng phụ viết câu chuyện : “Người ăn xin”

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1. Ôn định:</p> <p>2. Bài cũ:</p> <p>- Nêu cách miêu tả ngoại hình nhân vật trong bài văn kể chuyện.</p> <p>Nhận xét, tuyên dương, ghi điểm</p> <p>3. Bài mới:</p> <p>* Hoạt động 1: Quan sát, kể chuyện</p> <p>- Gọi HS nhắc lại ngoại hình nhân vật gồm những gì?</p> <p>- GV treo bảng phụ (viết câu chuyện “Người ăn xin”</p> <p>- GV ghi bảng đề bài: Hãy kể lại chuyện “Người ăn xin” kết hợp với tả ngoại hình của ông lão ăn xin.</p> <p>- Gọi học sinh đọc lại câu chuyện</p> <p>- Kể lại câu chuyện</p> <p>* Hoạt động 2: Tả ngoại hình nhân vật</p> <p>- Tả ngoại hình ông lão ăn xin trong truyện</p> <p>- GV gợi mở cách tả đối với học sinh yếu :</p> <p>+ hình dáng : lòm khòm;</p> <p>+ Đôi mắt: đỏ ọc, giàn giụa nước mắt</p> <p>+ Đôi môi : Tái nhợt</p> <p>+ Bàn tay: Sung húp, run rẩy, bần thủ</p> <p>+ Áo quần: Tả tơi, thảm hại</p> <p>- Yêu cầu học sinh tả vào vở.</p> <p>- GV đọc một vài bài hay trước lớp.</p> <p>* <i>Giáo dục sử dụng từ ngữ chính xác</i></p> <p>- Thu vở chấm điểm, nhận xét</p> <p>4. Củng cố – dặn dò:</p> <p>Nhận xét tiết học, tuyên dương</p> <p>Về viết lại bài chưa đạt</p>	<p>- 2 học sinh đứng tại chỗ nêu cách miêu tả ngoại hình nhân vật trong bài văn kể chuyện.</p> <p>- Nhắc lại</p> <p>- 1-2 HS nhắc lại những chi tiết ngoại hình nhân vật (hình dáng chung, các chi tiết : tóc, tay, chân, trang phục,...)</p> <p>- Quan sát bảng phụ, tìm hiểu đề bài.</p> <p>- Đọc câu chuyện nối tiếp.</p> <p>- Dựa vào nội dung câu chuyện trong bảng phụ, kể lại câu chuyện</p> <p>- Tả hình dáng, đôi mắt, bàn tay, quần áo của ông lão ăn xin</p> <p>- Làm bài vào vở</p> <p>- Học sinh nhận xét.</p>

TIẾT 1:

**TOÁN
LUYỆN TẬP**

I. MỤC TIÊU:

- Đọc, viết được các số đến lớp triệu.
- Bước đầu nhận biết được giá trị của mỗi chữ số theo vị trí của nó trong mỗi số.

II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:

Sách giáo khoa. Bảng phụ kẻ sẵn nội dung BT1

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>1) Kiểm tra bài cũ: <i>Triệu và lớp triệu (tt)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể tên các hàng đã học? Nêu cách đọc, viết số? - Lớp triệu gồm những hàng nào? - Giáo viên nhận xét <p>3) Dạy bài mới: Giới thiệu bài: <i>Luyện tập</i></p> <p><u>Hoạt động 1:</u></p> <p>Ôn lại kiến thức về các hàng và lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu học sinh nêu lại hàng và lớp theo thứ tự từ nhỏ đến lớn - Các số đến hàng triệu có mấy chữ số? - Các số đến hàng chục triệu có mấy chữ số? - Các số đến hàng trăm triệu có mấy chữ số? - GV chọn một số bất kì, hỏi về giá trị của một chữ số trong số đó. <p><u>Hoạt động 2: Thực hành</u></p> <p><u>Bài tập 1:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi học sinh đọc yêu cầu bài. - Giáo viên treo bảng phụ ghi nội dung bài tập 1 rồi hướng dẫn mẫu, tổ chức cho học sinh làm bài. - Mời học sinh trình bày bài làm - Giáo viên theo dõi sửa bài. <p><u>Bài tập 2:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi học sinh đọc yêu cầu bài. - Yêu cầu học sinh bắt cặp đọc số - Mời học sinh lên bảng : 1HS đọc số – 1 học sinh viết số. - Giáo viên cùng học sinh theo dõi nhận xét. <ul style="list-style-type: none"> + 178 320 005: Một trăm bảy mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn không trăm linh năm. + 830 402 960: Tám trăm ba mươi triệu bốn trăm hai mươi nghìn chín trăm sáu mươi. + 1 000 001: Một triệu không nghìn không trăm linh một . <p><u>Bài tập 3:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời học sinh đọc yêu cầu bài tập - Yêu cầu học sinh viết các số vào vở (theo dõi HS làm bài – nhắc nhở cho những HS 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu : <i>Hàng đơn vị; hàng chục; hàng trăm; hàng nghìn; hàng chục nghìn; hàng trăm nghìn; hàng triệu; hàng chục triệu; hàng trăm triệu.</i> - Hàng triệu, chục triệu, trăm triệu - Cả lớp theo dõi - HS nêu : <i>Hàng đơn vị; hàng chục; hàng trăm; hàng nghìn; hàng chục nghìn; hàng trăm nghìn; hàng triệu; hàng chục triệu; hàng trăm triệu.</i> <ul style="list-style-type: none"> + Lớp đơn vị; lớp nghìn; lớp triệu. - Có 7 chữ số. - Có 8 chữ số. - Có 9 chữ số. - Học sinh trả lời trước lớp - Học sinh đọc: <i>Viết theo mẫu</i> - Học sinh tự đọc thầm các số ở cột “số” rồi điền vào chỗ chấm, ghi vào vở nháp (SGK) - Học sinh đứng tại chỗ đọc, nêu cách điền số, - HS khác theo dõi nhận xét. - Học sinh đọc: <i>Đọc các số sau:</i> - Học sinh làm theo cặp - Từng cặp HS đọc số - 1 số HS trình bày trước lớp. - Nhận xét, bổ sung, chốt lại <ul style="list-style-type: none"> + 32 640 507: Ba mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn năm trăm linh bảy. + 85 000 120: Tám mươi lăm triệu không nghìn một trăm hai mươi. + 8 500 658: Tám triệu năm trăm nghìn sáu trăm năm mươi tám. - Học sinh đọc: <i>Viết các số sau:</i> - Cả lớp làm bài vào vở